

GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUA VIỆC KHẢO SÁT MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHU VỰC PHÍA NAM

Ngô Minh Sang

Trường Đại học Thủ Dầu Một

Email: sangnm@tdmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 31/05/2022; Ngày nhận đăng: 20/06/2022

Tóm tắt

Nâng cao chất lượng đào tạo ngành khoa học xã hội và nhân văn là một yếu tố khách quan trong việc nâng cao chất lượng giáo dục bậc đại học ở Việt Nam, phù hợp với xu thế phát triển thế giới. Tuy nhiên, vị trí của ngành khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam chưa được coi trọng đúng mức trong nghiên cứu và đào tạo. Bằng việc sử dụng phương pháp điều tra định lượng và phương pháp thống kê mô tả, bài viết phân tích về sự phù hợp kết quả đào tạo với sở thích cá nhân và đáp ứng nhu cầu xã hội của sinh viên ngành khoa học xã hội và nhân văn. Từ đó, chúng tôi đề xuất giải pháp đổi mới chương trình đào tạo ngành khoa học xã hội và nhân văn trong giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: *khoa học xã hội và nhân văn, giáo dục đại học, lý thuyết của John Holland, mô hình CDIO*

Solutions to innovate training programs in social science and humanities - from survey results of some universities in the southern region

Ngo Minh Sang

Thu Dau Mot University

Received: May 31, 2022; Accepted: June 20, 2022

Abstract

Improving the quality of training in the social sciences and humanities is an objective factor in improving the quality of higher education in Vietnam, in line with the development trend of the world. However, not much importance in research and training has been given to the position of the social sciences and humanities in Vietnam. By using quantitative methods and systematic descriptive methods, the article analyzes the relevance of training results to personal interests and satisfying the social demands of the students majored in social sciences and humanities. From there, we propose some solutions to innovate the training programs of social sciences and humanities in Vietnam higher education today.

Keyword: *humanities and social sciences, university of education, theory of John Holland, CDIO model*

1. Mở đầu

Trong giáo dục và đào tạo hiện nay, những nước phát triển đặc biệt coi trọng giáo dục nhân sinh quan, thế giới quan cho

thế hệ trẻ. Nhiều trường hợp khi tuyển đầu vào của ngành khoa học tự nhiên - công nghệ sẽ kết hợp với một môn trong ngành khoa học xã hội nhân văn như môn Lịch sử.

Tuy nhiên, vị trí của ngành khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam chưa được coi trọng đúng mức trong nghiên cứu và đào tạo. Học ngành khoa học xã hội nhân văn khi tốt nghiệp khó xin việc, thị trường lao động cũng hạn hẹp... Chính sai lầm trong việc đối xử với ngành khoa học xã hội và nhân văn đã làm chậm sự phát triển của các ngành này, đồng thời làm thấp mặt bằng văn hoá của xã hội. Trong hệ thống giáo dục, nhiều ngành khoa học xã hội nhân văn, như Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân... ở trường phổ thông chỉ được xem là những môn phụ.

Vì vậy, nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành khoa học xã hội và nhân văn là một yếu tố khách quan trong việc nâng cao chất lượng giáo dục ở bậc đại học ở Việt Nam, phù hợp với xu thế phát triển thế giới, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế.

2. Nội dung

2.1. Tổng quan về mẫu khảo sát

Nghiên cứu triển khai mẫu khảo sát ở 3 trường đại học: Trường Đại học Thủ Dầu Một, Trường Đại học Tiền Giang, Trường Đại học Cần Thơ, tập trung ở các nhóm ngành sư phạm, nhóm ngành khoa học chính trị (Chính trị học, giáo dục công dân), Văn hóa học, Du lịch, Ngôn ngữ Anh. Việc lựa chọn 3 trường đại học trên: (1) Các ngành đào tạo khoa học xã hội và nhân văn đang gặp khó khăn về công tác tuyển sinh và công tác đào tạo vẫn chưa đáp ứng được những đòi hỏi về sở thích, năng lực cá nhân và nhu cầu xã hội; (2) Trong những năm qua, 3 nhóm trường trên đã có nhiều dự án và đề tài nghiên cứu về đổi mới chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy, đồng thời chủ động, tích cực tiếp cận những phương pháp và mô hình giáo dục mới, tiên tiến trên thế giới (AUN, CDIO); (3) Ba nhóm trường đại học có thể mạnh và

truyền thống về đào tạo các ngành khoa học xã hội và nhân văn.

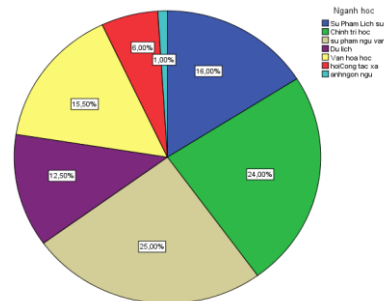
Quy mô mẫu khảo sát: số lượng 200 phiếu được khảo sát ở 3 trường đại học thể hiện qua bảng 1, bảng 2 và biểu đồ 1

Bảng 1. Thống kê số lượng phiếu khảo sát người học ngành khoa học xã hội và nhân văn

Tên trường	Số lượng phiếu	Tỷ lệ (%)
Trường Đại học Thủ Dầu Một	70	35
Trường Đại học Cần Thơ	70	35
Trường Đại học Tiền Giang	60	30

Bảng 2. Thống kê số năm đào tạo của sinh viên ngành khoa học xã hội và nhân văn

Năm đào tạo	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Năm nhất	50	25
Năm thứ hai	50	25
Năm thứ ba	50	25
Năm thứ tư	50	25



Hình 1. Biểu đồ mô tả số lượng phiếu khảo sát các ngành học

Nội dung và thời gian khảo sát: Phân tích sự phù hợp về kết quả đào tạo với sở thích cá nhân và đáp ứng nhu cầu xã hội, từ đó đề xuất đổi mới chương trình đào tạo ngành khoa học xã hội và nhân văn bậc đại học; thời gian khảo sát, phân tích và đánh giá từ tháng 8/2020 – 8/2021.

Phương pháp nghiên cứu và phân tích số liệu: Bài viết sử dụng phương pháp điều tra định lượng, được xử lý bằng phần mềm

SPSS 22.0. Phương pháp phân tích số liệu chủ yếu là thống kê mô tả.

2.2. Lý thuyết phân tích và đánh giá

Đề tài tiếp cận lý thuyết của John Holland vào việc lựa chọn ngành nghề để phân tích về kết quả đào tạo phù hợp với sở thích cá nhân và đáp ứng nhu cầu xã hội. Học thuyết của Holland đã lập luận rằng: “Thiên hướng nghề nghiệp chính là sự biểu hiện cá tính của mỗi con người” và nó được phân loại thành 6 nhóm và được diễn tả ở hai phương diện: tính cách con người và môi trường làm việc. Phân loại của ông đã được dùng để giải thích cấu trúc của cuộc sống nghiên cứu về định hướng nghề khác nhau dựa trên 2 thang đo mà ông đã phát triển (Holland, J., 1985).

Thuyết Holland không giả định rằng một người chỉ có 1 trong 6 loại tính cách trên thế giới. Thay vào đó, ông chỉ ra rằng bất kỳ người nào cũng có thể được mô tả bằng việc dung hòa trong 6 loại tính cách theo thứ tự giảm dần. Trên cơ sở này, Bộ quy tắc Holland đã diễn tả 720 mô hình tính cách khác nhau của con người. Học thuyết này cũng áp dụng trong việc phân loại nghề, nhưng thường thì chỉ có 2 hoặc 3 quy tắc chi phối được sử dụng để định hướng nghề, 6 loại tính cách và các kiểu môi trường làm việc theo học thuyết của Holland, tương đương với 6 thể mạnh.

Có thể tóm tắt luận điểm của lý thuyết John Holland: (1) Hầu hết mọi người thuộc một trong 6 nhóm tính cách: Kỹ thuật, Nghiên cứu, Nghệ thuật, Xã hội, Mạnh bạo và Tổ chức; (2) Mọi người thuộc cùng một nhóm có xu hướng “hội tụ” lại với nhau; (3) Những người cùng nhóm sẽ làm việc cùng nhau và tạo dựng môi trường làm việc phù hợp với họ; (4) Cũng có 6 môi trường làm việc: Kỹ thuật, Nghiên cứu, Nghệ thuật, Xã hội, Mạnh bạo và Tổ chức; (5) Những người làm việc trong môi trường

tương tự như tính cách của mình hầu hết sẽ thành công và hài lòng với công việc của mình; (6) Những hành động và cảm xúc tại nơi làm việc phụ thuộc vào môi trường làm việc.

Lý thuyết của John L.Holland cho phép đánh giá kết quả đào tạo phù hợp với sở thích cá nhân; chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy đã phát huy được những sở thích, năng lực của người học các ngành khoa học xã hội và nhân văn tại các trường đại học. Trên cơ sở lý thuyết này, đề tài cũng chỉ ra những lỗ hổng, thiếu sót khi lựa chọn vào các nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn và tư vấn đúng với sở trường, năng khiếu và sở thích của người học.

Đề tài cũng vận dụng mô hình CDIO và phương pháp giảng dạy hòa hợp tích cực đề xuất một vài khuyến nghị về xây dựng chương trình đào tạo và đổi mới phương pháp giảng dạy chuyên ngành khoa học xã hội và nhân văn bậc đại học. Đề xuất CDIO ra đời từ năm 2000. Mục tiêu của dự án chủ yếu là nhằm vào sinh viên ngành kỹ thuật trên toàn thế giới, với mong muốn mang tới cho họ một nền giáo dục nhân mạnh về nền tảng kỹ thuật qua 4 khâu quan trọng từ đầu vào cho tới đầu ra: Conceiving (hình thành ý tưởng) – Designing (Thiết kế) – Implementing (Triển khai) – Operating (Vận hành).

Ngoài ra, đề tài cũng tiếp cận triết lý giáo dục hòa hợp tích cực chính là giáo dục “lấy việc học làm trung tâm”. Đây là xu thế chung ở Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới. Giảng dạy “lấy việc học làm trung tâm” đòi hỏi cả người dạy lẫn người học đều phải tăng cường sự hoạt động trong buổi học, thể hiện rõ nét vai trò của mình nhằm tạo ra thời gian đào tạo hiệu quả, kiểm soát được kết quả học tập mong đợi, chủ động cải thiện bản thân để có được

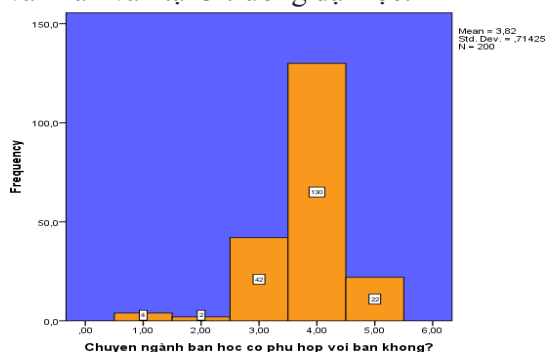
hiệu quả dạy học tốt nhất (Nguyễn Văn Hiệp chủ biên, 2019, tr8-9).

2.3. Kết quả phân tích

2.3.1. Kết quả đào tạo phù hợp với sở thích cá nhân

- Sự phù hợp sở thích và năng lực cá nhân

Kết quả khảo sát của 200 ý kiến cho thấy số lượng người học lựa chọn chuyên ngành đào tạo đại học phù hợp với sở thích cá nhân chưa cao (tỷ lệ bình thường là 29,5%; đồng ý là 51,5% và hoàn toàn đồng ý là 13,1%) với điểm trung bình 3,8. Người học ở các ngành Văn hóa học, Chính trị học, Công tác xã hội và Ngôn ngữ Anh lựa chọn ở mức bình thường và đồng ý chiếm tỷ lệ cao; một số người học ở khối ngành sư phạm và Du lịch hoàn toàn đồng ý với sở thích và nguyện vọng của mình khi lựa chọn chuyên ngành đào tạo khoa học xã hội và nhân văn tại 3 trường đại học.



Hình 2. Biểu đồ mô tả đánh giá của người học về sự phù hợp với sở thích cá nhân

Về khảo sát năng lực bản thân phù hợp với ngành học cho thấy người học cơ bản xác định năng lực của bản thân khi lựa chọn ngành học đại học, với tỷ lệ (bình thường là 58, tỷ lệ 29%; đồng ý là 108, tỷ lệ 54%; hoàn toàn đồng ý, tỷ lệ 10%) và

điểm trung bình 3,6. Tuy nhiên, một số người học cũng xác định việc lựa chọn ngành học chưa phù hợp với năng lực của bản thân (hoàn toàn không đồng ý là 9, chiếm 4,5%; không đồng ý là 5, tỷ lệ 2,5%). Với kết quả khảo sát về sự phù hợp ngành học với sở thích, năng lực của bản thân cho thấy người học đã định vị được năng lực và sở thích cá nhân khi lựa chọn các ngành khoa học xã hội và nhân văn.

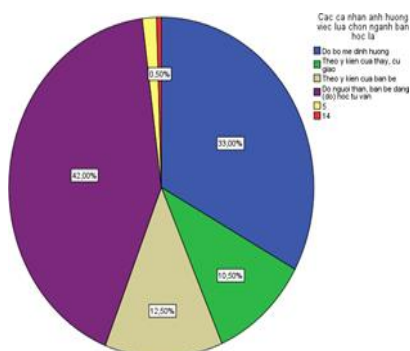
- Các yếu tố và cá nhân ảnh hưởng đến lựa chọn ngành học

Đối với những yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành học, nhóm nghiên cứu xác định 5 yếu tố chính (thu nhập, công việc phù hợp sở thích, yếu tố gia đình, tác động của bạn bè, tác động của cha mẹ) để khảo sát và đánh giá về lựa chọn ngành học. Kết quả khảo sát 200 ý kiến cho thấy người học đánh giá về việc lựa chọn ngành học phù hợp với sở thích và năng lực của bản thân cao nhất với số lựa chọn 101, tỷ lệ 46,8%, tiếp theo là các ý kiến cho rằng đây là một ngành có thể kiếm nhiều tiền trong tương lai và nhận được sự tư vấn của phụ huynh (tỷ lệ là 23,1% và 18,1%). Các yếu tố về truyền thống gia đình và lời khuyên bạn bè ít ảnh hưởng đến lựa chọn các ngành học với số lựa chọn là 18 (chiếm tỷ lệ 8,3%) và 8 (chiếm 3,7%). Ngoài những yếu tố trên, người học còn cho biết việc lựa chọn ngành khoa học xã hội cũng xuất phát từ một số sở thích cá nhân như đam mê, thích hoạt động trải nghiệm và giúp đỡ những người yếu thế trong xã hội.

Bảng 3. Thống kê mô tả những yếu tố ảnh hưởng việc lựa chọn ngành học của sinh viên khối ngành khoa học xã hội và nhân văn

Stt	Thang đo	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Đây là một ngành có thể kiếm nhiều tiền trong tương lai	50	23,1%
2	Công việc của ngành phù hợp với sở trường của bạn	101	46,8%
3	Cha mẹ khuyên nên vào ngành này	38	18,1%
4	Theo lời khuyên của bạn bè	18	8,3%
5	Gia đình có truyền thống làm ngành này	8	3,7%
Tổng cộng		216	100%

Các cá nhân ảnh hưởng đến lựa chọn ngành học, qua kết quả khảo sát cho biết trong 4 đối tượng được khảo sát thì bố mẹ, người thân đang theo học các trường đại học có ảnh hưởng nhiều đến việc lựa chọn ngành học đại học với số lựa chọn 150/200 ý kiến. Những yếu tố về tư vấn của bạn bè và lời khuyên của thầy, cô giáo ở trường trung học phổ thông chiếm tỷ lệ nhỏ và ít ảnh hưởng đến lựa chọn ngành học. Với kết quả khảo sát trên cho thấy đây là tính đặc thù của những người theo học chuyên ngành khoa học xã hội và nhân văn, lựa chọn ngành học phụ thuộc vào sở thích, tính cách cá nhân và mức độ ảnh hưởng của bố mẹ đối với lựa chọn ngành học.



Hình 3. Biểu đồ mô tả các cá nhân ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành học của sinh viên ngành khoa học xã hội và nhân văn

- *Cảm nhận và đánh giá của người học về ngành đào tạo*

Về kết quả khảo sát tính hấp dẫn của chuyên ngành đào tạo đối với người học cho thấy với thang đo Likert người học chưa thật sự đồng ý về tính hấp dẫn, thời sự của ngành học với tỷ lệ như sau: bình thường là 70/200, tỷ lệ 35%; đồng ý là 98/200, tỷ lệ 49%; hoàn toàn đồng ý là 26/200, tỷ lệ 13%; mức điểm trung bình 3,7. Kết quả khảo sát cũng cho thấy người học ở chuyên ngành Chính trị học, Sư phạm và Du lịch đánh giá cao về tính hấp dẫn của ngành đào tạo.

Về đánh giá thương hiệu của ngành đào tạo, người học đánh giá cao về thương hiệu uy tín của ngành học với mức điểm 3,7. Kết quả bảng khảo sát cho thấy mức độ hài lòng về thương hiệu uy tín được người học đánh giá cao ở ngành Sư phạm Lịch sử, Chính trị học và Sư phạm Ngữ văn. Như vậy, với truyền thống đào tạo khối ngành sư phạm đã tạo nên thương hiệu uy tín nhất định ở vùng Tây Nam Bộ và Đông Nam Bộ. Ngoài ra, người học ngành Du lịch, Văn hóa học cũng đánh giá cao về thương hiệu uy tín của các trường đại học thông qua kết quả khảo sát trên.

Như vậy, kết quả khảo sát các ngành học: Sư phạm Lịch sử, Chính trị học, Sư phạm Ngữ văn, Du lịch, Văn hóa học, Công tác xã hội, Ngôn ngữ Anh cho thấy người học xác định được cho rằng việc theo học cách ngành khoa học xã hội và nhân văn đa phần phù hợp với sở thích và năng

lực của bản thân; đa số việc chủ yếu là các thông tin cung cấp từ các website của các trường đại học; kết quả khảo sát cũng cho thấy yếu tố giảng viên, thương hiệu uy tín cũng giúp sinh viên yêu thích ngành học tại các trường đại học.

Bảng 4. Thống kê mô tả sự hài lòng của người học với sở thích và năng lực bản thân (phân tích theo bảng Likert)

Stt	Tiêu chí	Giá trị trung bình
1	Ngành đào tạo có phù hợp với người học	3,8
2	Ngành đào tạo phù hợp với sở thích cá nhân	3,8
3	Ngành đào tạo phù hợp với năng lực bản thân	3,6
4	Chuyên ngành đào tạo hấp dẫn	3,7
5	Chuyên ngành đào tạo có nhiều thách thức	3,8
6	Chuyên ngành đào tạo có điểm đầu vào phù hợp (vừa sức)	3,8
7	Chuyên ngành đào tạo có thương hiệu uy tín	3,7
8	Giảng viên nổi tiếng	3,8

Tỷ lệ lựa chọn đồng ý về sở thích đối với ngành đào tạo cũng không giống nhau ở các số năm đào tạo của người học. Đa số người học ở năm thứ nhất và thứ tư hoàn toàn đồng ý với việc lựa chọn ngành đào tạo dựa trên sở thích và năng lực của bản thân; trong khi đó, người học đào tạo ở năm thứ hai, ba lựa chọn mức bình thường trong việc đánh giá sự phù hợp với sở thích và năng lực bản thân.

2.3.2. Kết quả đào tạo phù hợp với nhu cầu của xã hội

- Đánh giá về ngành học đáp ứng nhu cầu xã hội

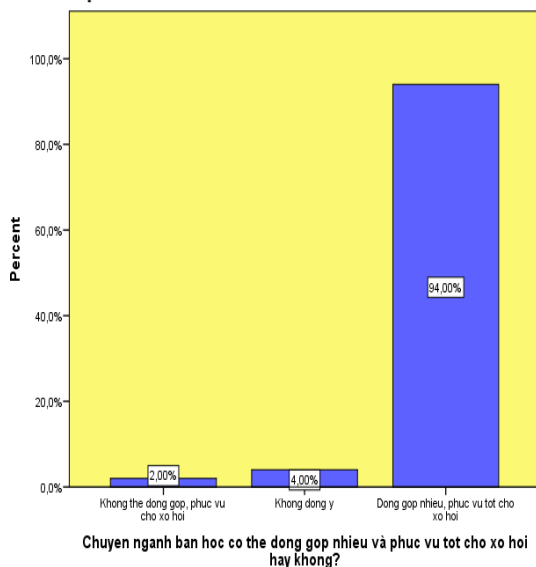
Đánh giá người học về lựa chọn ngành học theo sở thích và nhu cầu xã hội, kết quả khảo sát cho thấy ý kiến của người học đối với sự lựa chọn khối ngành khoa học xã hội và nhân văn: lựa chọn theo sở thích 152/200 (tỷ lệ 76%); và 47/200 (tỷ lệ

23,5%) là xuất phát từ nhu cầu xã hội. Kết quả khảo sát cho thấy người học khối ngành khoa học xã hội và nhân văn lựa chọn theo ngành học chủ yếu thỏa mãn sở thích và năng lực của bản thân; người học ít quan tâm đến nhu cầu xã hội của ngành đang theo học.

Về mức độ đóng góp của chuyên ngành đào tạo đối với xã hội, kết quả khảo sát thể hiện người học kỳ vọng và đánh giá cao những đóng góp của ngành đào tạo đối với xã hội với tỷ lệ lựa chọn: Đóng góp nhiều, phục vụ tốt cho xã hội chiếm 94%; không thể đóng góp, phục vụ cho xã hội chiếm 2%; ít đóng góp, phục vụ cho xã hội là 4%. Với kết quả khảo sát trên phản ánh được việc lựa chọn ngành khoa học xã hội và nhân văn của người học là chủ yếu xuất phát từ sở thích và năng lực cá nhân. Người học kỳ vọng và theo đuổi chuyên ngành

đào tạo để trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về đánh giá mức độ nhu cầu nhân lực của ngành học, kết quả thống kê phản ánh người học tin tưởng vào nhu cầu nhân lực trong xã hội đối với chuyên ngành đào tạo. Với điểm trung bình 3,6, kết quả khảo sát cho biết người học tin tưởng vào nhu cầu nhân lực của xã hội đối với ngành học. Kết quả khảo sát cũng cho thấy người học các ngành Sư phạm (Lịch sử, Ngữ văn), Du lịch và Công tác xã hội tin tưởng và kỳ vọng vào nhu cầu xã hội của ngành đang theo học.



Hình 4. Biểu đồ mô tả chuyên ngành đào tạo đóng góp nhiều và phục vụ tốt cho xã hội

- *Đánh giá của người học về chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội*

Việc học các kỹ năng mềm: các kỹ năng mềm được sinh viên hưởng ứng và cho rằng hữu ích và áp dụng trong công việc hiện nay. Tuy nhiên tỷ lệ hoàn toàn đồng ý không cao 32/200 chiếm 16% với thang điểm trung bình 3,7. Tỷ lệ này chưa đạt hiệu quả cao đối với ngành học khoa học xã hội và nhân văn; theo chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo tại Trường Đại học Thủ Dầu Một

- *Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và môi trường học tập*

Về chất lượng đào tạo, môi trường sống và học tập của các trường đại học, kết quả khảo sát cho thấy người học vẫn chưa thật sự hài lòng về chất lượng đào tạo và môi trường học tập. Người học vẫn còn băn khoăn (59 ý kiến bình thường, chiếm 29,65%) về mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo với nhu cầu và sở thích của người học khi lựa chọn các ngành học khoa học xã hội và hội.

Tỷ lệ hoàn toàn đồng ý chiếm 14%, trong khi đồng ý chiếm đến 52,76% trong cuộc khảo sát. Thông qua kết quả và biểu đồ khảo sát đánh giá của người học về chất lượng đào tạo và môi trường học tập ngành học khoa học xã hội và nhân văn tại 3 trường cho thấy người học vẫn băn khoăn về chất lượng đào tạo của các chương trình; bên cạnh đó, môi trường học tập và môi trường sống cũng chưa đáp ứng những kỳ vọng của người học.

Đề xuất các nội dung cần đào tạo và điều chỉnh trong chương trình đào tạo, phản ánh người học quan tâm nhiều đến khả năng giao tiếp, trình bày (111/200, chiếm 10,7%); Kỹ năng nghiệp vụ, tay nghề chuyên môn (101/200 ý kiến, tỷ lệ 9,7%); Khả năng sử dụng ngoại ngữ (106/200 ý kiến, tỷ lệ 10,2%). Ngoài ra, trong số 13 đề xuất của bảng khảo sát, người học cũng quan tâm đến các vấn đề: kiến thức chuyên môn Khả năng phát hiện giải quyết vấn đề; khả năng thích ứng với môi trường làm việc đa dạng và hội nhập quốc tế; khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; hiểu biết thực tế và các vấn đề đương đại của ngành nghề.

2.3. Giải pháp đổi mới chương trình đào tạo ngành khoa học xã hội và nhân văn bậc đại học

Qua việc phân tích và thảo luận kết quả

đào tạo đối với sinh viên ngành khoa học xã hội và nhân văn về sự phù hợp với sở thích cá nhân và đòi hỏi xã hội, chúng tôi đề xuất các khuyến nghị: (1) vận dụng lý thuyết của Holland vào khảo sát người học phục vụ cho việc xây dựng và đổi mới chương trình đào tạo; (2) áp dụng bộ 12 tiêu chuẩn CDIO trong việc xây dựng và thiết kế chương trình đào tạo ngành khoa học xã hội và nhân văn.

Các ngành đào tạo khoa học xã hội và nhân văn nên thiết kế lại theo hai (hoặc ba) giai đoạn: giai đoạn đại cương, định hướng lại bản thân sau khi theo học các ngành khoa học xã hội và nhân văn tại trường đại học và giai đoạn chuyên ngành lựa chọn ngành (chuyên ngành sâu) phù hợp với sở thích và thể mạnh của bản thân và đáp ứng nhu cầu công việc của xã hội. Việc thiết kế chương trình đào tạo theo mô hình trên đã được vận hành tại Trường Đại học Thủ Dầu Một. Theo đó, từ khóa đào tạo từ năm 2018, Trường Đại học Thủ Dầu Một đã vận hành mô hình đào tạo hai giai đoạn với triết lý giáo dục khai phóng là phát huy tính khát vọng, trách nhiệm và sáng tạo của sinh viên.

Vận dụng lý thuyết của Holland, chương trình đào tạo ngành khoa học xã hội và nhân văn xây dựng bảng mã (code) để khảo sát lại sinh viên sau khi kết thúc giai đoạn đào tạo 1 (giai đoạn đại cương). Việc xây dựng bảng mã và khảo sát người học giúp chương trình đào tạo có được dữ liệu về những nguyện vọng, tính cách và sở thích của người học trong các ngành đào tạo; lý giải được những vấn đề như động lực chủ yếu để người học lựa chọn vào ngành khoa học xã hội và nhân văn và trường đại học đang theo học. Người học sẽ trả lời những vấn đề về lựa chọn ngành đào tạo và môi trường đại học như: sở thích, năng lực bản thân, truyền thống gia đình, tư vấn của

những người đi trước, hay lựa chọn theo cảm tính...

Việc khảo sát nguyện vọng và sở thích của sinh viên khi theo học ngành khoa học xã hội và nhân văn cũng đóng vai trò quan trọng trong xây dựng chương trình đào tạo. Các sở thích như đam mê nghiên cứu, giúp đỡ người yếu thế trong xã hội, thích trải nghiệm, thích truyền thụ kiến thức, thu nhập cao... là dữ liệu để các trường đại học định hướng lại các môn học trong chương trình đào tạo và đổi mới phương pháp giảng dạy để phù hợp với sở thích và năng lực người học, đáp ứng những đòi hỏi của xã hội.

Việc khảo sát người học theo mô hình lý thuyết của Holland có thể giúp sinh viên chuyển đổi ngành học hoặc đăng ký thêm một ngành học mới khi kết thúc giai đoạn đào tạo đại cương. Điển hình như trong chương trình đào tạo tại Trường Đại học Thủ Dầu Một, sinh viên có thể thay đổi ngành học khi kết thúc giai đoạn đào tạo đại cương và ghi danh học một ngành mới. Vận hành mã Holland, các trường đại học định vị và tư vấn lại định hướng nghề nghiệp phù hợp với sở thích và năng lực người học.

Ở cấp chương trình đào tạo cũng nhận thấy cần thiết kế lại các môn học phù hợp với sở thích và năng lực của người học. Điển hình khi khảo sát ngành Chính trị học, người học trả lời lựa chọn ngành đào tạo xuất phát từ sở thích giúp đỡ nhóm yếu thế và trải nghiệm; hay khi khảo sát ngành Du lịch, người học trả lời thích trải nghiệm; ngành Sư phạm Lịch sử, một số sinh viên trả lời xuất phát từ đam mê chuyên môn và tìm hiểu kiến thức...

Điều quan trọng khi áp dụng lý thuyết của Holland, chương trình đào tạo bố trí có vấn học tập phù hợp để phát huy năng lực và sở thích của nhóm sinh viên. Việc bố trí

cổ vấn học tập không chỉ dừng lại ở 1 cổ vấn học tập cho một lớp, nhà trường (chương trình đào tạo) có thể bố trí cổ vấn học tập theo nhóm sinh viên (dựa trên kết quả khảo sát đo lường sở thích và năng lực của người học theo lý thuyết của Holland).

Dựa trên kết quả khảo sát về sự phù hợp của sở thích cá nhân và đáp ứng xã hội, chúng tôi đề xuất áp dụng bộ 12 tiêu chuẩn CDIO trong xây dựng chương trình đào tạo ngành khoa học xã hội và nhân văn.

Theo chúng tôi, giá trị cốt lõi của mô hình CDIO là phát huy giáo dục khai phóng và tính tự chủ của người học. Trong nghiên cứu *Sự kết hợp xây dựng chương trình và đổi mới phương pháp giảng dạy của ngành Quốc tế học – Trường Đại học Thủ Dầu Một – theo tiêu chuẩn CDIO và đảm bảo chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn AUN* (2021), tác giả Nguyễn Phương Lan đã diễn giải bộ 12 tiêu chuẩn trong CDIO và đề xuất xây dựng chương trình Quốc tế học theo hướng áp dụng các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 11 và 12 trong mô hình CDIO. Ngoài ra, nhà nghiên cứu cũng đề xuất áp dụng các tiêu chuẩn 6, 7, 8, 9, 10 trong đổi mới phương pháp giảng dạy ngành Quốc tế học (Nguyễn Phương Lan, 2021, tr.105).

Với cách tiếp cận trên, các ngành đào tạo khoa học xã hội và nhân văn cần thiết kế, xây dựng chương trình theo bộ 12 tiêu chuẩn CDIO. Có thể vận dụng đề xuất của tác giả Nguyễn Phương Lan trong nghiên cứu *Sự kết hợp xây dựng chương trình và đổi mới phương pháp giảng dạy của ngành Quốc tế học – Trường Đại học Thủ Dầu Một – theo tiêu chuẩn CDIO và đảm bảo chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn AUN* với các tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn 1 (Ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành); Tiêu chuẩn 2 (chuẩn đầu ra); Tiêu chuẩn 3

(chương trình đào tạo tích hợp); Tiêu chuẩn 4 (Giới thiệu về môn học); Tiêu chuẩn 5 (các trải nghiệm thiết kế, triển khai); Tiêu chuẩn 11 (đánh giá học tập); Tiêu chuẩn 12 (kiểm định chương trình) (Trường Đại học Thủ Dầu Một, 2017).

3. Kết luận

Kết quả khảo sát cũng cho thấy việc lựa chọn ngành học hoàn toàn chủ động; các kênh tham khảo truyền thống từ bố mẹ, thầy cô và các tư vấn của đoàn thể không ảnh hưởng nhiều đến việc lựa chọn ngành học của sinh viên. Người học ở khối ngành khoa học xã hội và nhân văn cho biết việc lựa chọn ngành học đều xuất phát từ sở thích cá nhân và được tư vấn từ những người đi trước, tìm hiểu từ các trang web của các trường đại học. Kết quả khảo sát cũng cho thấy người học có những sở thích tương đồng với định hướng ngành đào tạo của mình như: đam mê nghiên cứu, thích trải nghiệm, thích hoạt động cộng đồng và giúp đỡ người yếu thế trong xã hội, thích truyền thụ kiến thức...

Từ kết quả thảo luận trên cho thấy các trường đại học nên có cuộc khảo sát (theo mô hình lý thuyết của Holland) sinh viên ở các ngành khoa học xã hội và nhân văn (theo từng năm đào tạo) để có những điều chỉnh trong chương trình đào tạo và đổi mới phương pháp giảng dạy. Việc khảo sát trên có ý nghĩa giúp chương trình đào tạo luôn gắn kết với sinh viên và kết quả đào tạo của sinh viên luôn gắn kết với nhu cầu xã hội. Ngoài ra, để kết quả đào tạo đáp ứng sở thích cá nhân và nhu cầu xã hội, các trường đại học cũng áp dụng bộ 12 tiêu chuẩn CDIO trong xây dựng chương trình đào tạo và đổi mới phương pháp giảng dạy các ngành khoa học xã hội và nhân văn □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Phương Lan (2021), *Sự kết hợp xây dựng chương trình và đổi mới phương pháp giảng dạy của ngành Quốc tế học – Trường Đại học Thủ Dầu Một – theo tiêu chuẩn CDIO và đảm bảo chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn AUN*, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia Đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế theo mô hình CDIO, NXB Tài chính, 2021.
- Nguyễn Văn Hiệp, Phạm Ngọc Trâm (2021), *Phương pháp giảng dạy đại học chuyên ngành khoa học xã hội và nhân văn từ thực tiễn Trường Đại học Thủ Dầu Một và một số trường Đại học khu vực phía Nam*, mã số Mã số: DT.20.2-059, Chương trình Đổi mới phương pháp giảng dạy chuyên ngành Khoa học xã hội và nhân văn Đại học Thủ Dầu Một – Đối sánh với một số đại học khu vực phía Nam và thế giới, nghiệm thu tháng 3/2021.
- Holland, J. (1985), *Making Vocational Choices: A Theory of Vocational Personalities and Work Environments*, New Jersey: Prentice-Hall, Inc
- Trường Đại học Thủ Dầu Một (2017), Bảng mô tả 12 tiêu chuẩn CDIO, Truy xuất từ <https://tdmu.edu.vn/tin-tuc/12-tieu-chuan-cua-cdio/12-tieu-chuan-cua-cdio>, ngày 26/5/2021 (10:12)